



## **Đoàn Trung thủ lĩnh cuộc nổi dậy Chày Vôi**

***Võ Quang Yên***

*Tới thăm công sở Vạn niên*

*Lùa quân treo ngược vào miền núi non.*

**Đoàn Hữu Trưng**

*(Trung nghĩa ca)*

Khoảng giữa thế kỷ XIX, nổi nghiệp các vua Gia Long (1802 - 1820), Minh Mạng (1820-1841), Thiệu Trị (1841-1847), vua Tự Đức (1847-1883) lên ngôi kế vị vào lúc chế độ phong kiến nhà Nguyễn bắt đầu suy tàn. Qua một cánh cửa thành nội mở vào phòng nhà vua là vận mệnh Đại Nam có thể cáo chung sau một nửa thế kỷ lập quốc. Trước một cuộc xáo trộn chính trị kinh thiên động địa suýt đánh dấu một cuộc sụp đổ đất nước Rồng Tiên, hàng chục hoàng thân quốc thích bị thanh trừng đẫm máu, mà lịch sử chỉ thấy vền vện vài hàng chuyện ruột thịt xé nhau, triều đình tranh giành quyền lực...Liên quân Pháp - Tây Ban Nha nổ súng tấn công Đà Nẵng, ra hiệu một cuộc xâm lăng chưa từng thấy từ lúc Gia Long lập quốc. Từ 1864 đến 1881, Tự Đức ra lệnh nhiều cuộc cải cách, các quan Phan Thanh Giản, Phạm Phú Thứ, Nguyễn Trường Tộ,... liên tiếp dâng sớ đề nghị chương trình, nhưng một bên các triều thần không thống nhất, đằng kia nhà vua không nắm vững tình thế bề tôi, không có quyết định rõ ràng, dứt khoát. Mãi đến năm 1878, triều đình mới có chính sách thiết thực nhưng triều thần bất đồng, nảy sinh hai phe cải cách và bảo thủ, đổi thành hai phe chủ chiến và chủ hoà. Bất lực trước cuộc tấn công của Pháp, Tự Đức rất lưỡng lự, không biết giải quyết thế nào cho đến lúc từ trần. Ông qua đời năm 1883, triều đình như rắn mất đầu, bắt buộc nhân nhượng, chịu nhận bảo hộ Pháp trên toàn cõi Đại Nam. Rất dễ hiểu là dân tình không đồng lòng, nhiều vị đại thần trong đám quan lại bất bình với thái độ nhà vua, nhưng bó tay thấy không có đủ điều kiện chống lại quân Pháp. Thời sự như đang lặp lại trước cuộc bành trướng ngày nay của quân Trung Quốc không kèn không trống hăm hờ nuốt sống Việt Nam và các nước láng giềng trong Đông Nam Á.



*Nguyễn Trường Tộ*



*vua Tự Đức*



*Phan Thanh Giản*

Đoàn Trung bước vào lịch sử đất nước trong bối cảnh khó khăn này. Đoàn Hữu Trưng, tự Tứ Hoà, hiệu Trúc Lâm, sinh năm Giáp Thìn 1844 tại làng An Truyền (làng Chuồn) huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên (nay là xã Phú An). Tổ tiên ông là người Thanh Hóa vào lập nghiệp từ thuở nhà Lê đến Đoàn Trung đã được tám đời. Nhà nghèo, ông là con đầu của gia đình ông Đoàn Hồ và bà Hồ Thị Bốn gồm có ông và bảy người em Đoàn Ái (Đoàn Hữu Ái), Đoàn Súly (Trực) hay Đoàn Tư Trực, Đoàn Thi, Đoàn Hào, Đoàn Khóa, Đoàn Thị Châu và Đoàn Thị Yên. Cha mất sớm, mẹ bị mù, ông phải làm lụng vất vả để nuôi gia đình. Vốn thông minh và ham học, tuy không có thầy dạy đặc biệt, đi học trường Nhà nước, tất nhiên không xuất thân khoa bảng nhưng nổi tiếng thơ văn, giỏi võ nghệ, giao dịch bạn hữu dồi dào, kể cả trong giới hoàng thân. Cùng với hai em Đoàn Trực, Đoàn Ái, bạn bè Trương Trọng Hoà, Phạm Lương, để bắt đầu ông thành lập thi xã *Đông Sơn thi tửu hội* che mắt nhà cầm quyền đương thời, bên ngoài uống rượu ngâm thơ, bên trong bàn chuyện nước. Khi biết có thể cùng chung làm việc đại sự, hội dần mở rộng chiêu nạp thêm một số quan lại, binh lính và sư sãi: Tôn Thất Cúc (hữu quân), Tôn Thất Giác (vệ úy), Bùi Văn Liệu (suất đội), Lê Văn Tề (lính vũ lâm), Nguyễn Văn Quý (nhà sư trụ trì chùa Long Quang, có chùa riêng là Pháp Vân, tức chùa Khoai, gần công trường Vạn Niên), Nguyễn Văn Viên (nhà sư),...

Đương thời có *Mặc Vân Thi Xã* của Tùng Thiện Công Miên Thâm - hoàng tử thứ 10 của vua Minh Mạng - là một thi đàn quý tộc. Vậy mà người không có bằng cấp quyền tước như Đoàn Trung lại có điều kiện lui tới Ký Thuởng Viên của ông Hoàng Mười. Tài hoa và nhân cách của Đoàn Trung đã

được thừa nhận từ đó. Ngày 4.10.1847 vua Thiệu Trị giá băng. Liên ngày ấy, các hoàng thân và các quan văn võ họp tại điện Cần Chánh để tuyên đọc di chiếu, theo đó Hoàng nhị là Phúc Tuy công Nguyễn Phúc Hồng Nhậm được lập lên ngôi, tức Tự Đức. Hồng Nhậm khóc lạy lãnh mạng. Di chiếu đọc chưa dứt, An Phong công Hồng Bảo, con trưởng của vua vừa băng, phần uất thổ huyết, nằm vật ngã giữa điện đình. Lúc làm lễ đăng quang, mấy người phải đỡ ông dậy, nghi lễ mới hoàn tất. Lý do bị phế truất, sử nhà Nguyễn chép lời trăng trối trước khi mất của vua Thiệu Trị nói với các đại thần là Trương Đăng Quế, Võ Văn Giải, Nguyễn Tri Phương và Lâm Duy Hiệp: *Trong các con ta, Hồng Bảo (Hồng Bảo) tuy lớn, nhưng vì thứ xuất (con bà hầu sinh ra), mà lại ngu độn ít học, chỉ ham vui chơi, nổi nghiệp không đặng. Con thứ hai là Phước Tuy công (tức Hồng Nhậm) thông minh ham học giống in như ta, đáng nối ngôi làm vua. Hôm qua ta đã phê vào tờ Di chiếu để trong long đồng (ống chạm rồng). Các người phải kính nể đó! Đừng trái mạng ta!* Dù vậy, Hồng Bảo không tin đây là ý vua cha mà do Trương Đăng Quế bày mưu, nên quyết chí báo thù người gây ra và tìm cách giành lại ngôi báu. Đại thần Trương Đăng Quế là thầy của Thiệu Trị và là người rất có thế lực trong triều. Tương truyền, Đăng Quế và Hồng Bảo có sự hiềm khích nhau từ trước. Lực lượng của cuộc nổi dậy định là khoảng ba ngàn binh thêm vào một số phu thợ khá đông bị trưng dụng không công xây *Khiêm Lăng* của nhà vua. Thêm vào đó điều kiện sinh sống thiếu thốn, bệnh sốt rét hoành hành không thuốc men, càng thúc đẩy phu thợ nổi loạn, như ngọn lửa ngầm ngầm chỉ còn thổi nhẹ là bùng cháy.



*Trương Đăng Quế    Vua Tự Đức và Nguyễn Trường Tộ    Nguyễn Tri Phương*

Năm 1864 tình hình đất nước rối ren, 3 tỉnh Miền Đông đã mất, quân Pháp uy hiếp từng ngày, mới vừa phải giao nộp 400.000 ngàn đồng thường niên trong số 4 triệu đồng bạc bồi thường chiến phí cho Pháp theo hoà ước Nhâm Tuất 1862, Thuế tăng, giặc giã nổi lên khắp nơi, tháng 9 các tỉnh Thừa Thiên,

Quảng Bình, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Nam, Quảng Ngãi đều bị bão lụt lớn rồi hạn. Nam Kỳ cũng bị đại hạn, quốc khố không đủ dùng phải quyền tiền, bán phẩm hàm, cho chuộc tội... vậy mà vua Tự Đức lại phê chuẩn khởi công xây Khiêm Lăng - Vạn niên Cơ của mình, vắt kiệt sức dân, tài vật cả nước, những quan chức trông coi việc xây lăng quá ham lập công lại tham tàn, làm cho quân dân lao dịch khổ sở cùng cực.

*Vạn Niên là Vạn Niên nào  
Thành xây xương lính, hào đào máu dân*

Vào một dịp Tết, nhờ một câu đối mà Đoàn Trung và Đoàn Trục được [Tuy Lý Vương](#) Miên Trinh (1820-1897) đề ý và cho vào học trong vương phủ. Từ đó, tài học của Đoàn Trung có dịp vang lên ở chốn kinh thành. Năm Giáp Tý (1864), ông được [Tùng Thiên Vương](#) Miên Thẩm (anh ruột [Tuy Lý Vương](#)), cũng vì quý tài, gả con gái đầu là Thê Cúc cho Đoàn Trung, một người không thuộc phái quan lại, và cho vào ở với vợ trong Ký Thường Viên. Cử chỉ chịu làm vợ Đoàn Trung của Thê Cúc thật cao cả vì hoàn toàn vô vị lợi, chỉ trọng văn võ của người chồng trẻ, ngay ở trong một nước lắm khi vợ nuôi chồng ăn học (như trong truyện Lưu Bình Dương Lễ). Đoàn Trung đã từng tỏ ra nhận thấy cần phải thay thế Tự Đức, và người được Đoàn Trung cùng phe của ông chọn là Đinh Đạo (con Hồng Bảo).

*...Trước tôn vua Thái thượng hoàng,  
Sau tôn ngũ đại đồng đường lên ngôi..  
...Trong trù tả đạo cho thanh,  
Ngoài cùng Tây tặc tranh giành một phen.*

Ở gởi rể trong Ký Thường Viên của cha vợ một thời gian, Đoàn Trung xin ra ngoài ở riêng, để dễ dàng mưu sự và để gia đình vợ khỏi bị liên lụy. Tháng 9 năm Bính Dần (1866), Đoàn Trung bàn với mẹ và vợ Đinh Đạo xin lập đàn chay cho Hồng Bảo để có cơ tập hợp lực lượng. Buổi lễ cúng kéo dài đến ngày thứ ba, khoảng 3 giờ sáng, ngày 17.9.1866. Nhóm ủng hộ dòng dõi An Phong Công Hồng Bảo, người đáng lẽ được lên ngôi, nòng cốt gồm bạn bè và hai em trai của Đoàn Trung, hô hào binh lính, dân phu đang ở công trường xây Khiêm Cung, từ làng Dương Xuân thượng, kéo về kinh thành trưng cờ tôn phù Ngũ Đại Hoàng Tôn Ứng Đạo (con Hồng Bảo) lên làm vua thay Tự Đức, tính từ vua Gia Long đến Ứng Đạo là đời thứ 5. Sự kiện được gọi *Chày Vôi* (hay *Giặc Chày Vôi* hay *Loạn Chày Vôi*) vì lực lượng nổi dậy dùng một dụng cụ lao động là chày vôi làm vũ khí, mong tình hình rối ren trong nước được cải thiện và cuộc kháng chiến chống Pháp hữu hiệu hơn. Tờ mờ sáng, nhờ Tôn Thất Cúc mở cửa nên đoàn

quân nổi dậy lan chóng tiến vào Đại cung. Sau khi chém bị thương vệ úy Nguyễn Thịnh và chỉ huy sứ Phạm Việt Trang, quân nổi dậy tiến vào điện Càn Chánh. Đoàn Trung còn đang tìm cửa Tẩu Môn thì chướng vệ long võ quân Hồ Oai xuất hiện. Thấy quân nổi dậy đông quá, Hồ Oai sợ không chống được, chạy lui về đóng chặt cửa Tả Xương thông qua Càn Thành, nơi vua đang ngủ. Đoàn Trung lan chóng đuổi theo rồi xuyên gươm qua khe cửa, chém mất tai mặt của Hồ Oai, nhưng Hồ Oai vẫn ghì chặt cửa nên Đoàn Trung không vào được. Bất không được vua, Đoàn Hữu Trưng cho tập trung quân tại sân [Diên Thái Hoà](#), phái Đoàn Tư Trực đến khám đường rước Đinh Đạo về tấn phong. Đây là một trong những sai lầm sách lược của phe nổi dậy. Nhờ vậy Hồ Oai đã kịp thời dẫn quân đến phản công. Hai bên đánh nhau một hồi, khi Hồ Oai thét lớn *Bọn binh phu Vạn niên cơ ! Lũ người theo giặc à ?* binh phu bỏ chày vôi chạy trốn, rút cuộc anh em Trưng đều bị bắt sống. Đoàn Hữu Trưng dẫn đầu đoàn quân khởi nghĩa kéo sang công sở Vạn Niên. Đoàn Hữu Trưng tự xưng là tham tri [bộ Công](#), ngồi trên chiếc võng điều có lọng che và lính hầu quạt theo lệnh vua để khám xét công trường. Bắt hai tên đốc công cay nghiệt là Nguyễn Văn Chát và Nguyễn Văn Xa, điều về kinh trị tội. Còn các binh phu hễ ai đang cầm chày giã vôi trong tay thì được đổi phiên về nghỉ. Binh phu nghe nói cả mừng đổ xô vào bắt thống chế Xa trói lại rồi vác chày vôi theo Trưng tiến về phía kinh thành (Kiều Oánh Mậu).



Hồ Oai người huyện Phong Điền, Tỉnh Thừa Thiên, đi lính thời Minh Mạng, Tự Đức 12, sung quân ở quân thứ Quảng Nam dự trận chống Pháp và Y Pha Nho tại Đà Nẵng, thành Hải Châu, được thăng chướng vệ, quyền chướng doanh Long Vũ ở kinh, bảo vệ cấm thành. Khi đóng cửa Tả Xương nổi liền Càn thành, qua đó Đoàn Trung lấy kiếm chém đứt một lỗ tai của mình, ông can được quân nổi dậy xông vào trong phòng vua. Tự Đức khen công lớn cho tặng đô

thống Tiền quân kiêm doanh Long vũ tước Trung dũng tử và tặng thêm thẻ bài ngà mang ba chữ Vũ Dũng Tướng, một viên ngọc đeo, một nhẫn vàng có khảm kim cương, 10 lạng vàng để làm lại một lỗ tai vàng.... Sau này, trên đà sung công, Hồ Oai nhậm chức Tổng đốc đại thần ở Nghệ An, bắt lặc trong việc trấn áp Văn thân chống Pháp và chống tà đạo khi Tự Đức đã hoà nghị nên bị giáng xuống chưởng vệ, đổi về quê rồi chết ở đó. Cũng dễ hiểu khi Hồ Oai không được giáo dục sâu rộng về mặt chính trị và quân sự thì khó thành công trong nhiệm vụ Tổng đốc và trấn áp Văn thân. Tuy nhiên, không là một thành công gì to lớn nhưng nếu Hồ Oai không kịp đóng cửa thành, vua Tự Đức bị giết thì vận mệnh nước Việt biết rơi về đâu? Theo một tài liệu thì Đoàn Trục cũng cầm kiếm xông đến nhưng không những không cứu vãn tình thế lại còn bị đâm thủng bụng ngã xuống, cũng có thể ông chỉ bị đau bụng kinh niên như anh, Biện Lý Chất ngẫu nhiên đêm hôm ấy lên về thành nên thoát nạn. Cuộc nổi dậy thất bại, hai anh em Đoàn Trục, Đoàn Ái bị xử lăng trì, Đoàn Trung vào tù chờ xử, Đoàn Thi bị án tử hình, Đoàn Khóa mất tích, Đoàn Hào chết, Đoàn Thị Châu bị kết án tù đầy 20 năm sau mới về... Cả họ Đoàn bị đổi sang họ Đoàn, con cháu phải lưu tán, không được thi cử... Vua Tự Đức cho tịch thu gia sản của Đoàn Trung, chỉ để lại một phần nhỏ cho bà mẹ vì bà đã lớn tuổi lại bị mù. Thẻ Cúc, vợ Đoàn Trung, nhờ trước ngày khởi sự đã bị *đuổi* về nhà bố mẹ ruột vì một tội *bất kính với mẹ chồng* nên bà được miễn nghị, nhưng buộc cải sang họ mẹ (họ Tống) và phải đi tu... Đối với Tùng Thiện Vương, chú vua và là cha vợ Đoàn Hữu Trưng, bị tình nghi có liên quan, nhưng vì không có chứng cứ nên *sau ba ngày đêm cùng Thẻ Cúc phủ phục ở cửa Đông Ba để chịu tội*, ông chỉ bị phạt truất bổng một năm, đóng cửa Ký Thường Viên và không được tiếp xúc với bất kỳ ai ở bên ngoài. Đoàn Hữu Trưng bị xử án lăng trì năm Bính Dần (1866), lúc mới 22 tuổi! Trưng và Thẻ Cúc có một đứa con trai tên là Ngáo. Vì quá nhỏ nên chưa xử, đưa cho người bà con trong phủ Tuy Lý vương nuôi. Khoảng 13 tuổi, Ngáo bỗng dung mất tích. Cả gia đình Hồng Bảo gồm 8 người là Đinh Đạo (Ứng Đạo), Đinh Tự, Đinh Chuyên, Đinh Tương (đều là con Hồng Bảo), Thị Thụy (vợ Hồng Bảo, mẹ Đinh Đạo) và hai đứa con Đinh Đạo (một trai, một gái) đều bị xử giáo (treo cổ). Và cũng do sự việc này, vua Tự Đức phải đổi tên Vạn niên cơ thành Khiêm Cung và viết bài biểu trần tình dài để biện bạch, *dân chúng nhất thời đại dột mà nghe theo chứ không thật tình thù oán triều đình*.

Vua Tự Đức (1829-1883), tên thật Nguyễn Phúc Hồng Nhậm, lên ngôi năm 1847, lúc 19 tuổi, là nhà vua trị vì lâu nhất nhà Nguyễn. Vốn là một bậc vua anh minh, chỉ tiếc vì ngài ở chốn thâm cung, ít hiểu về thời thế thiên hạ, mà các quan phò tá cận thần đều là hạng hủ nho cổ chấp, không rành việc đời việc

nước, không hề tri kỷ tri bỉ chút nào. Phần lớn triều thần thời Tự Đức là những người chịu ảnh hưởng từ Nho giáo lỗi thời. Họ chỉ nhìn nhận tình hình bằng con mắt của cả ngàn năm trước khi các nước phương Tây đã bỏ xa nước Việt về công nghệ, kỹ thuật. Cũng không phải tại vua Tự Đức không muốn cải cách đất nước nhưng vì khung cảnh thời gian, cộng với việc nghe lời gian thần và ngu thần xúi bậy nên mới bị mất nước. Nhiều nhà sử học đã trách việc mất nước lên các quan thần dưới thời Tự Đức. Quân đội nhà Nguyễn thời kỳ Tự Đức lại sa sút rất nhiều, một trong những lý do là vấn đề tài chính. Vũ khí và trang thiết bị làm mới gần như không có. Bộ binh được trang bị rất lạc hậu. Quan điểm khoa học quân sự của vua quan triều Nguyễn không hề vượt quá khuôn khổ của khoa quân sự phong kiến. Vua Tự Đức không phải là người có tính cố chấp. Ngài cũng biết thứ chi thích dùng thì dùng, dầu thứ đó là đồ chế tạo của nước Pháp là nước đang cừ địch với ngài cũng vậy, chứ không phải như mấy ông hủ nho ta đòi ấy, bất cứ thấy cái gì của Tây là không dùng. Tự Đức khước từ mọi giao thiệp với người phương Tây, dầu việc giao thiệp chỉ nhằm phục vụ thương mại. Năm 1850, có tàu của Hoa Kỳ vào cửa Đà Nẵng mang quốc thư xin thông thương nhưng nhà vua làm ngơ không thèm tiếp thư. Sau khi lên ngôi vào năm 1848 thì vua Tự Đức đã có dụ cấm đạo Công giáo, cũng vì sự cấm đạo tàn nhẫn này sẽ dẫn tới thực dân Pháp sau này có cơ mà qua xâm chiếm Việt Nam. *Sức đã không đủ giữ nước mà cứ làm điều tàn ác. Đã không cho người ngoại quốc vào buôn bán, lại đem làm tội những người đi giảng đạo. Bởi thế nước Pháp và nước I Pha Nho mới nhân có ấy mà đánh nước ta vậy.* (Trần Trọng Kim). Vua Tự Đức qua đời năm 1883, hưởng thọ 54 tuổi.



Nhân vật Đoàn Trung trong *biển cổ phản nghịch ở kinh thành* đã được bàn tán nhiều trong miền nam cuối thập niên 50 đầu thập niên 60 nhưng không quá ồn ào: Bửu Kế (tạp chí Đại Học, *Hồng Bảo bị truất ngôi, phản nghịch ở kinh thành Huế*), Trần Trọng Kim (Việt Nam Sử lược, *Giặc già ở trong nước*), Nguyễn Quang (tạp chí Phổ Thông, *Giặc Chày Vôí muu toan truất phé vua Tự Đức như thế nào*), Bùi Quang Tung (tạp chí Đại Học, *Khảo luận về vụ hành*

*hình 8 mạng gia đình Hồng Bảo và bài Trung Nghĩa Ca*),...không kể những nhà văn viết thành tiêu thuyết lịch sử (Thái Vũ, *Biển động, Huế 1885*), để chỉ dẫn, vài ba tác giả đã chú trọng đến vấn đề. Năm 1862 (Nhâm Tuất), triều đình Huế ký hàng ước (05.06.1862), nhường 3 tỉnh Đông Nam Bộ (Gia Định, Biên Hoà, Định Tường) cho thực dân Pháp. Năm 1864 (Giáp Tý), khởi nghĩa Trương Định thất bại. Năm 1865 (Ất Sửu), nhân dân và sĩ phu yêu nhân dân và sĩ phu yêu nước như Nguyễn Hữu Huân (Thủ khoa Huân), Phan Văn Đạt, Hồ Huân Nghiệp, Võ Duy Dương tiếp tục duy trì cuộc kháng chiến ở vùng Gia Định, Chợ Lớn, Tân An, Chợ Gạo, Đồng Tháp Mười. Bối cảnh lịch sử đó khiến dân tình và sĩ phu bất bình với triều đình nhà Nguyễn. Chính trong thời điểm đó, Đoàn Hữu Trưng tổ chức nổi dậy, chống triều đình Huế và thất bại. Trong những ngày tù ngục, Đoàn Hữu Trưng viết *Trung nghĩa ca*, bài ca chính khí. Trường ca này có 498 câu, viết theo thể lục bát. Theo Bùi Quang Tung, tạp chí Đại học (Viện Đại học Huế) thì bài này do Trương Vĩnh Ký sưu tầm trong cuộc hành trình của cụ tại Bắc Kỳ từ tháng giêng đến tháng tư năm 1876. Sau đó, tập này vào tay gs Hoàng Xuân Hãn và cuối cùng được tàng trữ trong Thư viện Trường Viễn đông Bác cổ tại Hà Nội. *Trung nghĩa ca* của Đoàn Trưng là tác phẩm mang đậm yếu tố hiện thực, có ý nghĩa phê phán và tố cáo, chấp nhận hy sinh. Toàn bộ bài ca toát lên tinh thần phản kháng, đứng về phía chính nghĩa, phía nhân dân, phía những người lao dịch xây dựng Vạn Niên Cơ để lên tiếng. Sau những dòng mở đầu nói về thi xã *Đông Sơn thi từ hội*, *Trung nghĩa ca* nhắc lại tình hình nghiêm trọng dưới triều Tự Đức:

*Hay đâu gió bụi quanh trời  
Can qua đây đất cõi ngoài chẳng an  
Thuyền Tây khói lửa dọc ngang  
Lui nơi Đà Nẵng, lại sang Cần Giờ  
Làm cho trăm họ ngân ngơ  
Lò hương mưa bọt, giòng thờ gió nghiêng.*

Giọng thơ bi thiết chứa đầy oán hờn

*Tới thăm công sở Vạn Niên  
Lùa quân treo ngược đây miền núi non  
Đôi vai gánh đá xương mòn  
Mông trôn roi đánh chẳng còn mảng da  
Đưa người cát đất xông pha  
Cả đêm vôi quét chẳng tha canh nào  
Kẻ thời sức mồn hơi hao*



*Người thời mắc lầy ốm đau chẳng lành  
Người thời quần áo tan tành  
Miệng thêm khát nước, dạ đành đói cơm  
Phá tan một cõi trời Nam  
Xương xây thành kín máu làm hào sâu...*

Tình thế nước sôi lửa bỏng như vậy, đã bộc lộ sự bất lực của triều đình, sự ngang ngược, thao túng của ngoại bang:

*Có đâu sóng dậy đất bằng  
Chẳng ai bắt được một thằng giặc Tây  
Bởi vì lương tướng không tay  
Khéo đem binh lính bỏ thây chiến trường...*

Từ hoà ước Nhâm Tuất (1862), phải nhường ba tỉnh Nam Kỳ (Biên Hoà, Gia Định, Định Tường) cho Pháp và chịu đóng góp một số tiền bồi thường chiến tranh. làm cho trăm dân và sĩ phu bất bình,.. Sự kiện nổi dậy của Đoàn Trưng dù sao so với một cuộc cách mạng thì thiếu tổ chức, thiếu chương trình, thiếu tính toàn dân, thiếu mục đích cao cả, nếu là để thay đổi một ông vua trong hoàng tộc thì thật ra chỉ là một cuộc thanh toán cá nhân gia đình.



*Thành Xô Tết Kỷ Hợi*

### ***Đọc thêm***

- Như Không Đặng Công Tạo, *Sự kiện Đoàn Trưng và chính biến “Chày vôi” năm 1866*, tongphuochiep71.com. 26.05.2013
- Huỳnh Văn Hoa, *Đoàn Hữu Trưng, Trưng nghĩa ca - Bài ca chính khí*, leminhquoc.vn 18.09.2018 (nguồn: Báo Đà Nẵng cuối tuần, số 5854,18.09.2016)
- [Nguyễn Lộc Yên](#), *Trang Sử Việt: Đoàn Hữu Trưng*, vietbao.com 08.03.2016
- Hồng Nhung, *Âm mưu lật đổ vua Tự Đức núp bóng hoạt động văn chương*, vnExpress 19.12.2016